

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT HÀ THÁI**

Số : *158* / QĐ-ĐSHT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày *19* tháng *4* năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và
chuyển xếp lương mới đối với người quản lý và người lao động
Công ty cổ phần đường sắt Hà Thái**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ THÁI**

Căn cứ Quyết định số 3900/ QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV QLĐS Hà Thái;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2015;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Hà Thái;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương mới đối với người quản lý và người lao động Công ty cổ phần Đường sắt Hà Thái”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016.

Điều 3. Các ông (bà) trong Ban Giám đốc, Trưởng phòng nghiệp vụ, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các thành viên HĐQT;
- ĐU, CĐ, TN;
- Lưu: VT, TC-HC, thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bá Thực

HỆ THỐNG
THANG LƯƠNG, BẢNG LƯƠNG, PHỤ CẤP LƯƠNG VÀ CHUYỂN XẾP
LƯƠNG MỚI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ THÁI
(Ban hành kèm theo Quyết định số:158/QĐ-ĐSHT, ngày 19 tháng 4 năm 2016)

Phần I

HỆ THỐNG THANG LƯƠNG, BẢNG LƯƠNG, PHỤ CẤP LƯƠNG

I. Phương pháp xây dựng

Quy định hệ thống thang bảng lương, bảng lương này được xây dựng theo hướng vận dụng hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ để phiên sang có sửa đổi bổ sung phù hợp với thực tế tại Công ty trên nguyên tắc: giảm số bậc, giảm hệ số và phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 7, Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ để ban hành thực hiện trong Công ty kể từ ngày 01/01/2016, cụ thể:

II. Hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương, bao gồm:

1. Các thang lương công nhân, nhân viên trực tiếp sản xuất kinh doanh: 03 thang .
A1- Dịch vụ;
A2- Xây dựng: bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt;
A3- Cơ khí, điện, điện tử, tin học, thông tin tin hiệu.
2. Các bảng lương công nhân, nhân viên trực tiếp sản xuất kinh doanh: 02 bảng.
B1- Nhân viên bảo vệ;
B2- Công nhân lái xe, lái cầu.
3. Bảng lương lao động chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, phục vụ: 01 bảng;
4. Bảng lương Viên chức quản lý: 01 bảng;
5. Phụ cấp lương, bao gồm: phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm công việc.

III. Mức lương tối thiểu:

Căn cứ Nghị định số 122/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2015 của Chính Phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc tại Công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác ở Việt Nam có thuê mướn lao động.

Công ty cổ phần Đường sắt Hà Thái áp dụng mức lương tối thiểu vùng **3.500.000 đồng/ tháng**.

IV. Hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương làm cơ sở để:

1. Thỏa thuận tiền lương trong hợp đồng lao động;
2. Đóng và hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, theo quy định của pháp luật;
3. Xây dựng đơn giá tiền lương; Thực hiện chế độ nâng bậc lương theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể;
4. Trả lương ngừng việc và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động;
5. Giải quyết các quyền lợi khác theo thỏa thuận của người sử dụng lao động và người lao động và quy định của pháp luật lao động.

V. Hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương

1. Thang Lương

Đơn vị tính: 1.000 đồng

NGÀNH/NHÓM NGÀNH	Mã số	BẬC/HỆ SỐ, MỨC LƯƠNG				
		I	II	III	IV	V
A1. DỊCH VỤ						
Nhóm I						
Hệ số	A1. I	1,09	1,16	1,23	1,30	1,38
Mức lương thực hiện từ 01/01/2016		3.815	4.060	4.305	4.550	4.830
Nhóm II						
Hệ số	A1. II	1,17	1,24	1,31	1,39	1,48
Mức lương thực hiện từ 01/01/2016		4.095	4.340	4.585	4.865	5.180
A2. XÂY DỰNG, BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT.						
Nhóm I						
Hệ số	A2. I	1,19	1,26	1,34	1,42	1,50
Mức lương thực hiện từ 01/01/2016		4.165	4.410	4.690	4.970	5.250
Nhóm II						
Hệ số	A2. II	1,29	1,37	1,45	1,54	1,63
Mức lương thực hiện từ 01/01/2016		4.515	4.795	5.075	5.390	5.705
Nhóm III						
Hệ số	A2.III	1,39	1,47	1,56	1,66	1,75
Mức lương thực hiện từ 01/01/2016		4.865	5.145	5.460	5.810	6.125
A3. THÔNG TIN TÍN HIỆU, CƠ KHÍ, ĐIỆN, ĐIỆN TỬ, TIN HỌC.						
Nhóm I						
Hệ số	A3.I	1,33	1,41	1,49	1,58	1,68
Mức lương thực hiện từ 01/01/2016		4.655	4.935	5.215	5.530	5.880
Nhóm II						
Hệ số	A3.II	1,21	1,28	1,36	1,44	1,52
Mức lương thực hiện từ 01/01/2016		4.235	4.480	4.760	5.040	5.320

Đối tượng áp dụng

A. Thang lương, bảng lương công nhân trực tiếp sản xuất

A1 – Dịch vụ

a) Nhóm I:

- Phục vụ bàn, phụ bếp;
- Nhân viên kinh doanh dịch vụ;
- Lao động phổ thông.

b) Nhóm II:

- Nấu ăn trong các đơn vị có tổ chức riêng bộ phận phục vụ và có hạch toán;
- Phục vụ ăn uống cho công nhân duy tu và đại tu đường sắt;
- Phục vụ ăn uống cho các cung cầu, đường; Công nhân trực tiếp nấu bếp.

A2- Xây dựng, bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt.

a) Nhóm I:

- Công nhân mộc, nề, sắt, hàn;
- Thủ kho vật tư;
- Công nhân kiến trúc;
- Công việc thủ công khác.

b) Nhóm II:

- Vận hành các loại máy thi công đường sắt, máy xây dựng;
- Lái goòng, vận hành máy chèn đường; Bảo dưỡng máy thi công;
- Gác chắn đường ngang, gác cầu chung;
- Quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng, duy tu cầu, đường sắt;
- Tuàn đường, tuần cầu, tuần hầm đường sắt.

c) Nhóm III:

- Đại tu, làm mới đường sắt;
- Xây lắp cầu.

A3 – Thông tin tín hiệu, cơ khí, điện, điện tử, tin học.

a) Nhóm I:

Công nhân vận hành, sửa chữa thiết bị thông tin, tín hiệu, truyền dẫn trên tuyến và Mạng nội hạt.

b) Nhóm II:

Trục trạm điện; sửa chữa điện dân dụng; quần mô tơ.

B. Bảng lương nhân viên bảo vệ và công nhân lái xe, lái cầu

B1. Bảng lương nhân viên bảo vệ

Đơn vị tính: 1000đồng

TT	CHỨC DANH	Mã số	HỆ SỐ, MỨC LƯƠNG			
			I	II	III	IV
	Bảo vệ tuần tra canh gác Hệ số mới Mức lương thực hiện từ 01/01/2016	B1	1,26 4.410	1,34 4.690	1,42 4.970	1,50 5.250

B2. Bảng lương công nhân lái xe, lái cầu

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	NHÓM XE	Mã số	Hệ số lương cứng			
			I	II	III	IV
1	- Xe tải, xe cầu từ 7,5 tấn đến dưới 16,5, xe khách từ 40 ghế đến dưới 60 ghế: - Lái ô tô ray, ô tô dòn trong nội bộ đơn vị Hệ số Mức lương thực hiện từ 01/01/2016	B2.1	1,39 4.865	1,47 5.145	1,56 5.460	1,66 5.810
2	Xe tải, xe cầu từ 3,5 tấn đến dưới 7,5 tấn, xe khách từ 20 ghế đến dưới 40 ghế Hệ số	B2.2	1,36	1,44	1,53	1,62

	Mức lương thực hiện từ 01/01/2016		4.760	5.040	5.355	5.670
3	Xe con, xe tắc xi, xe tải, xe cầu dưới 3,5 tấn, xe khách dưới 20 ghế Hệ số Mức lương thực hiện từ 01/01/2016	B2.3	1,33 4.655	1,41 4.935	1,49 5.215	1,58 5.530

C. Bảng lương chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, phục vụ

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chức danh	Mã số	HỆ SỐ, MỨC LƯƠNG					
		I	II	III	IV	V	VI
1. Chuyên viên chính, kỹ sư chính Hệ số Mức lương thực hiện từ 01/01/2016	C1	1,99 6.965	2,11 7.385	2,24 7.840	2,37 8.295		
2. Chuyên viên, kỹ sư Hệ số Mức lương thực hiện từ 01/01/2016	C2	1,50 5.250	1,59 5.565	1,69 5.915	1,79 6.265	1,89 6.615	
3. Cán sự, kỹ thuật viên Hệ số Mức lương thực hiện từ 01/01/2016	C3	1,23 4.305	1,31 4.585	1,38 4.830	1,47 5.145	1,56 5.460	1,65 5.775
4. Nhân viên văn thư Hệ số Mức lương thực hiện từ 01/01/2016	C4	1,10 3.850	1,17 4.095	1,24 4.340	1,31 4.585	1,39 4.865	1,47 5.145
5. Nhân viên phục vụ Hệ số Mức lương thực hiện từ 01/01/2016	C5	1,00 3.500	1,07 3.745	1,13 3.955	1,20 4.200	1,27 4.445	1,35 4.725

D. Bảng lương viên chức quản lý

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chức danh	Mã số	HỆ SỐ, MỨC LƯƠNG		
		I	II	
1. Chủ tịch Hội đồng quản trị Hệ số mới Mức lương thực hiện từ 01/01/2016	D.1	3,20 11.200	3,5 12.250	
2. Thành viên HĐQT Hệ số mới Mức lương thực hiện từ 01/01/2016	D.2	2,56 8.960	2,78 9.730	
3. Giám đốc Công ty Hệ số mới	D.3	2,80	3,05	

Mức lương thực hiện từ 01/01/2016		9.800	10.675	
4. Phó Giám đốc Công ty				
Hệ số mới	D.4	2,56	2,78	
Mức lương thực hiện từ 01/01/2016		8.960	9.730	
5. Kế toán trưởng				
Hệ số mới	D.5	2,37	2,56	
Mức lương thực hiện từ 01/01/2016		8.295	8.960	

3. Chế độ phụ cấp lương

3.1. Phụ cấp chức vụ

Phụ cấp chức vụ áp dụng đối với các trưởng phòng, trưởng ban kiểm soát, phó trưởng phòng và Giám đốc, phó Giám đốc xí nghiệp hưởng lương chuyên môn, cộng phụ cấp chức vụ.

Phụ cấp chức vụ được tính trả cùng kỳ trả lương hàng tháng. Khi thôi không giữ chức vụ từ 01 tháng trở lên thì không hưởng phụ cấp chức vụ.

Phụ cấp gồm 2 mức: 0,25; 0,35 so với mức lương tối thiểu vùng

Chức danh	HỆ SỐ PHỤ CẤP
1. Trưởng phòng, trưởng ban kiểm soát, Giám đốc xí nghiệp Hệ số	0,35
2. Phó trưởng phòng, Phó Giám đốc xí nghiệp Hệ số	0,25

2. Phụ cấp trách nhiệm

Phụ cấp trách nhiệm áp dụng đối với người lao động làm một số công việc thuộc công tác quản lý (như tổ trưởng, tổ phó; đội trưởng, đội phó; cung trưởng, cung phó; Trưởng, phó bộ phận xí nghiệp, thủ quỹ, thành viên ban kiểm soát chuyên trách).

Phụ cấp trách nhiệm được tính trả cùng kỳ lương hàng tháng. Khi không làm công việc được hưởng phụ cấp trách nhiệm từ 01 tháng trở lên thì không hưởng phụ cấp trách nhiệm

Phụ cấp gồm 3 mức: 0,1; 0,07; 0,04 so với mức lương tối thiểu vùng

TT	Chức danh	Mức hưởng từ 01/01/2016
1	- Đội trưởng - Thành viên ban kiểm soát chuyên trách	0,1
2	- Đội phó và cung trưởng - Trưởng bộ phận xí nghiệp	0,07
3	- Cung phó; phó bộ phận xí nghiệp - Tổ trưởng, Thủ quỹ Công ty	0,04

Phần II

CHUYỂN XẾP LƯƠNG CŨ SANG LƯƠNG MỚI

I. Nguyên tắc chuyển xếp lương cũ sang lương mới

1. Việc chuyển xếp lương phải đảm bảo nguyên tắc người lao động làm công việc gì xếp lương theo công việc đó, giữ chức vụ gì xếp lương theo chức vụ hoặc phụ cấp giữ chức vụ đó trên cơ sở tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật công nhân; tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, nhân viên; tiêu chuẩn xếp hạng công ty (Hệ thống tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật công nhân ngành Đường sắt ban hành kèm theo quyết định số 133/QĐ-TCCB ngày 24/3/1990 của Tổng cục Đường sắt; tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ các ngạch viên chức ban hành kèm theo quyết định số 938/QĐ-ĐS-TCCB-LĐ ngày 15/7/2002 của Liên hiệp Đường sắt Việt Nam).

2. Căn cứ vào ngạch, bậc lương của thang lương, bảng lương hiện hưởng theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP của Chính phủ để chuyển sang ngạch, bậc lương của thang lương, bảng lương mới.

3. Khi thực hiện chuyển xếp lương một người có thể đảm nhiệm nhiều công việc, khi xếp lương phải căn cứ vào công việc người đó đảm nhiệm nhiều nhất trong năm để xếp lương. Đối với người có thành tích, cống hiến, đóng góp nhiều cho Công ty, khi chuyển xếp lương nếu có vướng mắc thì xem xét, xử lý riêng từng trường hợp cụ thể.

4. Thời điểm áp dụng chuyển xếp lương mới từ 01/01/2016 chỉ làm cơ sở đóng BHXH, không áp dụng để thực hiện truy lĩnh lương và các chế độ khác cho CBCNV.

5. Trường hợp khi chuyển xếp 2 bậc cũ vào 1 bậc mới:

- Đối với người đang giữ bậc thấp hơn:

Thời gian giữ bậc mới tính từ ngày 01/01/2016

- Đối với người đang giữ bậc cao hơn:

Nếu thời gian giữ bậc < 2 năm: thời gian giữ bậc mới tính từ ngày 01/7/2015

Nếu thời gian giữ bậc $\geq$ 2 năm: thời gian giữ bậc mới tính từ ngày 01/1/2015

Riêng đối bậc 4/7 (thang lương A); bậc 4/6 ngạch lương chuyên viên chính, kỹ sư chính; bậc 6/8 ngạch lương chuyên viên, kỹ sư: thời gian giữ bậc tính từ thời điểm giữ bậc cũ.

6. Trường hợp một bậc cũ xếp vào một bậc mới: giữ nguyên thời gian giữ bậc.

7. Khi chuyển xếp lương cũ sang lương mới không kết hợp nâng ngạch viên chức, không kết hợp nâng bậc lương.

8. Phương án chuyển xếp lương mới phải được cấp có thẩm quyền quyết định trước khi thực hiện.

II. Chuyển xếp lương cũ sang lương mới

1. Đối với công nhân, nhân viên trực tiếp sản xuất, kinh doanh thì căn cứ vào bậc lương hiện hưởng theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP của Chính phủ để xếp sang thang, bảng lương mới, cụ thể như sau:

a) Đối với thang lương A1-Dịch vụ

- Nhóm I:

+ Các chức danh: Phục vụ nhà lưu trú, nhân viên kinh doanh dịch vụ....hiện đang hưởng lương theo bảng lương B15.1; B15.2 chuyển xếp ngang sang thang lương mới A1.I

+ Các chức danh còn lại đang hưởng lương theo thang lương A1.1.I chuyển xếp sang thang lương mới A1.I:

Bậc 1, 2 cũ xếp vào bậc 1 mới;

Bậc 3, 4 cũ xếp vào bậc 2 mới;

Bậc 5 cũ xếp vào bậc 3 mới;

Bậc 6 cũ xếp vào bậc 4 mới;

Bậc 7 cũ xếp vào bậc 5 mới.

- Nhóm II: Các chức danh đang hưởng lương theo thang lương A1.1.II thực hiện chuyển xếp sang thang lương mới A1.II:

Bậc 1, 2 cũ xếp vào bậc 1 mới;

Bậc 3, 4 cũ xếp vào bậc 2 mới;

Bậc 5 cũ xếp vào bậc 3 mới;

Bậc 6 cũ xếp vào bậc 4 mới;

Bậc 7 cũ xếp vào bậc 5 mới.

b) Đối với thang lương A2 Xây dựng, bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt:

- Nhóm I:

+ Công nhân nghề mộc, nề sắt; thủ kho vật tư; công nhân kiến trúc; công việc thủ công khác đang hưởng lương theo thang lương A1.8.I chuyển sang thang lương mới A2.I:

Bậc 1, 2 cũ xếp vào bậc 1 mới;

Bậc 3, 4 cũ xếp vào bậc 2 mới;

Bậc 5 cũ xếp vào bậc 3 mới;

Bậc 6 cũ xếp vào bậc 4 mới;

Bậc 7 cũ xếp vào bậc 5 mới.

- Nhóm II:

+ Công nhân vận hành máy thi công đường sắt, máy xây dựng; Gác chắn đường ngang; Quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng, duy tu cầu, đường sắt, tuàn cầu, đường, hầm đường sắt đang hưởng lương theo thang lương A1.8.II chuyển xếp sang thang lương mới A2.II:

Bậc 1, 2 cũ xếp vào bậc 1 mới;

Bậc 3, 4 cũ xếp vào bậc 2 mới;

Bậc 5 cũ xếp vào bậc 3 mới;

Bậc 6 cũ xếp vào bậc 4 mới;

Bậc 7 cũ xếp vào bậc 5 mới.

c) Đối với thang lương A3 – Thông tin tín hiệu, cơ khí, điện, điện tử, tin học:

- Nhóm I:

Công nhân vận hành, sửa chữa thiết bị thông tin, tín hiệu, truyền dẫn trên tuyến và mạng nội hạt đang hưởng lương theo thang lương A1.7.I và A1.7.II nay chuyển xếp sang thang lương mới A3.I:

Bậc 1, 2 cũ xếp vào bậc 1 mới;
Bậc 3, 4 cũ xếp vào bậc 2 mới;
Bậc 5 cũ xếp vào bậc 3 mới;
Bậc 6 cũ xếp vào bậc 4 mới;
Bậc 7 cũ xếp vào bậc 5 mới.

- Nhóm II:

Công nhân trực trạm điện; sửa chữa điện dân dụng, quản mô tơ đang hưởng lương theo thang lương A1.6.I chuyển xếp sang thang lương mới A3.II:

Bậc 1, 2 cũ xếp vào bậc 1 mới;
Bậc 3, 4 cũ xếp vào bậc 2 mới;
Bậc 5 cũ xếp vào bậc 3 mới;
Bậc 6 cũ xếp vào bậc 4 mới;
Bậc 7 cũ xếp vào bậc 5 mới.

e) *Đối với Bảng lương B1 – nhân viên bảo vệ:*

- Chức danh nhân viên bảo vệ tuần tra canh gác hiện đang hưởng lương theo bảng lương B 13.2.III hoặc B11.I4 nay chuyển xếp vào bảng lương mới B1

Bậc 1,2 cũ xếp vào bậc 1 mới;
Bậc 3 cũ xếp vào bậc 2 mới;
Bậc 4 cũ xếp vào bậc 3 mới;
Bậc 5 cũ xếp vào bậc 4 mới.

g. *Đối với bảng lương B2- Công nhân lái xe, lái cầu:*

Công nhân lái xe, lái cầu hiện đang hưởng lương theo bảng lương B12 thực hiện chuyển xếp ngang sang bảng lương mới B2

2. Đối với lao động chuyên môn, kỹ thuật nghiệp vụ phục vụ hiện đang hưởng lương viên chức chuyên môn nghiệp vụ và bảng lương nhân viên thừa hành phục vụ Nghị định 205/2004/NĐ-CP nay chuyển xếp vào bảng lương mới: C- Bảng lương lao động chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, phục vụ.

Căn cứ vào ngạch, bậc lương hiện hưởng để chuyển xếp vào ngạch, bậc lương mới của bảng lương lao động chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, phục vụ theo từng ngạch chức danh tương ứng, chuyển xếp như sau:

- *Ngạch chuyên viên chính, kỹ sư chính:*

Bậc 1,2 cũ xếp vào bậc 1 mới;
Bậc 3,4 cũ xếp vào bậc 2 mới;
Bậc 5 cũ xếp vào bậc 3 mới;
Bậc 6 cũ xếp vào bậc 4 mới.

- *Ngạch chuyên viên, kỹ sư:*

Bậc 1,2 cũ xếp vào bậc 1 mới;
Bậc 3,4 cũ xếp vào bậc 2 mới;
Bậc 5,6 cũ xếp vào bậc 3 mới;
Bậc 7 cũ xếp vào bậc 4 mới;
Bậc 8 cũ xếp vào bậc 5 mới.

- *Ngạch cán sự kỹ thuật viên:*

Bậc 1,2 cũ xếp vào bậc 1 mới;
Bậc 3,4 cũ xếp vào bậc 2 mới;
Bậc 5,6 cũ xếp vào bậc 3 mới;
Bậc 7,8 cũ xếp vào bậc 4 mới;
Bậc 9,10 cũ xếp vào bậc 5 mới;
Bậc 11,12 cũ xếp vào bậc 6 mới.

- *Nhân viên văn thư:*

Bậc 1,2 cũ xếp vào bậc 1 mới;
Bậc 3,4 cũ xếp vào bậc 2 mới;
Bậc 5,6 cũ xếp vào bậc 3 mới;
Bậc 7,8 cũ xếp vào bậc 4 mới;
Bậc 9,10 cũ xếp vào bậc 5 mới;
Bậc 11,12 cũ xếp vào bậc 6 mới.

- *Nhân viên phục vụ:*

Bậc 1,2 cũ xếp vào bậc 1 mới;
Bậc 3,4 cũ xếp vào bậc 2 mới;
Bậc 5,6 cũ xếp vào bậc 3 mới;
Bậc 7,8 cũ xếp vào bậc 4 mới;
Bậc 9,10 cũ xếp vào bậc 5 mới;
Bậc 11,12 cũ xếp vào bậc 6 mới.

- Đối với nhân viên y tế: hiện đang hưởng lương theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành phục vụ thực hiện chuyển xếp lương mới theo bảng lương, lương chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, phục vụ mới; bác sĩ, dược sỹ xếp lương như kỹ sư, chuyên viên, y sỹ xếp lương như cán sự, kỹ thuật viên; y tá, dược tá xếp lương như nhân viên văn thư.

3. Đối với cán bộ đang giữ chức vụ Trưởng phòng, phó trưởng phòng và Giám đốc, phó Giám đốc xí nghiệp thì chuyển xếp lương theo bảng lương chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ phục vụ mới theo điểm 2 nêu trên và được hưởng phụ cấp giữ chức vụ trưởng phòng, phó trưởng phòng.

5. Trường Ban kiểm soát xếp theo thang lương, bảng lương chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, phục vụ và hưởng phụ cấp chức vụ tương đương hệ số Trưởng phòng. Các thành viên Ban kiểm soát xếp theo thang lương, bảng lương Bảng lương chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, phục vụ và hưởng phụ cấp trách nhiệm.

Phần III

CHẾ ĐỘ NÂNG NGẠCH, NÂNG BẬC LƯƠNG

Công ty căn cứ Quy chế nâng ngạch, nâng bậc lương và chuyển xếp lương đối với viên chức quản lý chuyên trách và người lao động của Đường sắt Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1023/QĐ-ĐS ngày 31/7/2013 của Hội đồng thành viên Đường sắt Việt Nam.

Phần IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc công ty triển khai ra Quyết định chuyển xếp lương, phụ cấp lương mới đối với lao động chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, phục vụ và công nhân viên trực tiếp sản xuất.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc cần phải sửa đổi bổ sung, thay thế các đơn vị phản ánh bằng văn bản gửi về Phòng Tổ chức – Hành chính công ty để tổng hợp, báo cáo Giám đốc trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Thục

